

Bản án số: 146/2018/DS-PT

Ngày: 09 - 8 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Yên

*Các Thẩm phán:*

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Nguyễn Thành Lập

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị T, sinh năm 1972.

Đại chỉ: Ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Khóm A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện N, tỉnh Cà Mau.

Cùng địa chỉ: khóm B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Trương Thị H, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Võ Thị T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

4. Anh Võ Chí T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

5. Anh Võ Minh Đ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

6. Anh Võ Văn B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

7. Chị Võ Thị T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

8. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

9. Anh Trần Văn D, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị T – Nguyên đơn.

*Nguyên đơn, bị đơn, chị T1, anh T, anh B có mặt; Những người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt tại phiên toà.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Võ Thị T trình bày:* Cha mẹ chị là ông Võ Văn K và bà Trương Thị H làm chủ sử dụng một phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 60.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau cùng với một lượng tài sản khác. Trước năm 2002 ngoài chị P, chị T chưa được cha mẹ cho tài sản thì các anh em còn lại đã được cha mẹ cho tài sản ở riêng.

Ngày 12/5/2000 âm lịch ông K từ trần, không để lại di chúc, năm 2002 bà H tiến hành giao phần đất 60.000m<sup>2</sup> nêu trên cho chị và chị P mỗi người ½ diện tích, do chưa có điều kiện sản xuất nên chị cho chị P thuê lại phần đất được mẹ cho đến năm 2005, thời gian thuê đất chị P tự ý làm thủ tục tách sổ chủ quyền, định ranh cắt đất thành hai phần; trong đó, phần của chị nhận là 28.084m<sup>2</sup> thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 06 được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/3/2005; phần đất chị P nhận bằng 28.015m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 06 được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/3/2005.

Năm 2008 chị P giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị, quan sát chị thấy phần đất của chị và chị P có chênh lệch, chị P quản lý diện tích nhiều hơn nên đã nhờ cán bộ công tác ở ấp xem xét nhưng không được xử lý. Đến năm 2013 chị tiếp tục yêu cầu nhưng cũng không được xem xét. Khoảng năm 2015 dự án xây dựng đường trục chính khu kinh tế N đi ngang qua phần đất của chị và chị P, do không thỏa thuận được ranh đất để nhận tiền bồi thường nên tiếp tục tranh chấp đến nay.

Qua kết quả đo đạc của Trung tâm đo đạc chị xác định chị P nhận đất bà H cho nhiều hơn chị khoảng 7.000m<sup>2</sup>, yêu cầu chị P phải giao lại cho chị phần đất chênh lệch có vị trí, kích thước, diện tích như sau: chiều ngang dài 4,7m; chiều dài 876,11m, hướng Đông giáp kênh Xi Tẹt, hướng Tây giáp kênh Ông Do, hướng Nam giáp đất còn lại của chị (T), hướng Bắc giáp đất chị P; diện tích 3.924,5m<sup>2</sup> phần đất này nằm trong quyền sử dụng Nhà nước cấp cho chị, hiện Nhà Nước thu hồi 2.800m<sup>2</sup> để làm lộ.

Tại toà chị yêu cầu nhận tiền bồi thường đối với phần đất Nhà nước giải tỏa thu hồi nêu trên, phần còn lại buộc chị P giao trả cho chị quản lý sử dụng.

*Chị Võ Thị P trình bày:* Thống nhất xác định về nguồn gốc, vị trí, diện tích đất, điều kiện phân chia phần đất của ông K, bà H tiến hành cho chị và chị T đứng

như chị T trình bày. Năm 2000, sau khi cha chết, mẹ chị là bà Trương Thị H chia tài sản cho các con, trong đó có phần đất của chị và chị T được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 2005, hai phần đất có ranh giới riêng và đã canh tác ổn định từ năm 2002 đến nay. Do vậy, chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện do chị T đặt ra.

*Bà Trương Thị H trình bày:* Bà thống nhất với trình bày của chị T, chị P về quan hệ gia đình. Quyền sử dụng phần đất khoảng 60.000m<sup>2</sup> tại ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau là của bà và ông K tạo lập. Năm 2000 ông K chết, năm 2002 bà chia cho chị P, chị T mỗi người bằng ½ phần đất này. Khi cho chỉ nói miệng không lập văn bản, không đứng ra phân ranh, phân vị trí cụ thể mà để cho chị P, chị T tự thỏa thuận với nhau.

Nay bà biết được chị P nhận phần đất được cho nhiều hơn chị T nên yêu cầu chị P trả lại phần đất đã nhận nhiều hơn cho chị T.

*Anh Võ Chí T trình bày:* Anh xác định việc mẹ anh là bà H cho đất cho chị T, chị P là có thật; Đất bà H cho chị P đã được Ủy ban nhân dân huyện N ra quyết định thu hồi để xây dựng đường trục chính khu kinh tế N giai đoạn 2, vì vậy nên chị T mới phát sinh tranh chấp để được nhận tiền bồi thường. Theo anh việc chị T khởi kiện là không đúng, do đất đã được chia ranh đất, vị trí cụ thể và mọi người đã canh tác ổn định từ trước tới nay.

*Anh Võ Văn B, chị Võ Thị T1 trình bày:* Thống nhất với nội dung và yêu cầu của bà H.

*Anh Võ Minh Đ trình bày:* Tại vụ kiện này anh có yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho chị T, chị P, nay anh rút lại yêu cầu độc lập nêu trên và không có bất kỳ yêu cầu gì tại vụ án này.

*Anh Trần Văn D trình bày:* Đối với tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Võ Thị T và chị Võ Thị P là chuyện riêng của chị T, anh không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì nên không có yêu cầu tại vụ kiện.

*Anh Nguyễn Minh H trình bày:* Thống nhất với nội dung và yêu cầu của chị P.

*Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện N:* Bà Võ Thị T được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/3/2005 số AC 086403; Bà Võ Thị P được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/3/2005 số AC 086404; việc lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 hộ nêu trên đúng theo quy định tại Điều 151 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện có văn bản xin vắng mặt.

*Tại bản án sơ thẩm dân sự số: 08/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:*

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T về việc yêu cầu buộc chị Võ Thị P trả lại phần đất nuôi trồng thủy sản lấn chiếm với diện tích đo đạc thực tế là 3.942,5m<sup>2</sup>, phần đất tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của anh Võ Minh Đ về việc yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Võ Thị T và chị Võ Thị P.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí đo đạc, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/4/2018 chị Võ Thị T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc chị Võ Thị P phải trả cho chị phần đất lấn chiếm diện tích 3.942,5m<sup>2</sup>.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T bảo lưu nội dung kháng cáo.

Căn cứ kháng cáo chị T cho rằng năm 2002 bà Trương Thị H tuyên bố cho đất cho chị và chị P mỗi người bằng ½ diện tích trong phần đất nuôi trồng thủy sản 60.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau. Cùng năm 2002 chị P nhận thuê lại phần đất trên, chị không trực tiếp sản xuất nên năm 2005 khi chị P giao lại đất, chị phát hiện diện tích nhỏ hơn phần chị P nhận, chị đã có nhờ chính quyền địa phương xử lý nhưng không được giải quyết.

Tại Toà chị yêu cầu căn cứ theo phân chia của bà H để buộc chị P giao lại cho chị 3.942,5m<sup>2</sup> như đã khởi kiện.

Chị T1, anh B thống nhất với trình bày về căn cứ kháng cáo của chị T.

Chị P, anh T không thống nhất với căn cứ kháng cáo của chị T, yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

[2] Quan điểm của Viện kiểm sát: Án sơ thẩm xử lý vụ kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Yêu cầu không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Võ Văn K và bà Trương Thị H có 06 người con chung, gồm: Võ Thị P, Võ Thị T, Võ Chí T, Võ Minh Đ, Võ Văn B và Võ Thị T1; vợ chồng ông bà tạo lập được nhiều phần đất, tài sản khác lúc sinh thời ông K và bà H đã phân chia tài sản cho bốn người con, riêng chị P, chị T chưa được cha mẹ cho tài sản. Năm 2000 ông K từ trần không để lại di chúc, đến năm 2002 bà H đã tiến hành chia phần đất nuôi trồng thủy sản tại ấp X, xã H, huyện N của bà và ông K đã được UBND huyện H (nay là huyện N) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 27/10/1993 với diện tích được cấp là 60.000m<sup>2</sup> do ông Võ Văn K đứng tên cho chị P và chị T.

Cách thức chia là mỗi người bằng ½ diện tích, việc đăng ký quyền sử dụng giao cho chị P tiến hành đi làm thủ tục kê khai, chia tách, đất phân chia chị T, chị P đã được cấp quyền sử dụng, cụ thể: Chị Võ Thị T được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/3/2005 số AC 086403 diện tích bằng 28.084m<sup>2</sup>; Chị Võ Thị P được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/3/2005 số AC 086404 diện tích 28.015m<sup>2</sup>.

Quy trình cấp quyền sử dụng đất trên chị P xác định do phòng tài nguyên và môi trường huyện N hướng dẫn thủ tục, thực tế bà H và các con của bà với ông K (và là anh em của chị T, chị P) không họp gia đình ký giao quyền thừa kế cho chị P và chị T.

Theo hồ sơ vụ kiện thể hiện và những người có mặt tại Toà xác định: Việc phân chia đất cho chị P, chị T tại phần đất ông K đứng tên quyền sử dụng nêu trên

các anh em còn lại trong gia đình và bà H vẫn thống nhất, không khiếu nại, ngoài phần bà H có quyền tự quyết cho phần của bà, các thừa kế thứ nhất của ông K mặc nhiên chấp nhận việc chia thừa kế phần của ông K để lại cho chị T và chị P.

Quyền sử dụng đất cấp cho chị P, chị T hai đương sự không khiếu nại, chấp nhận thủ tục chia tách và nội dung thể hiện tại quyền sử dụng là phù hợp.

Mâu chốt mâu thuẫn tại vụ kiện là chị T cho rằng quyền sử dụng thể hiện phù hợp diện tích mỗi người được nhận, tuy nhiên chị P lạm dụng việc quản lý năm 2002 đã tự ý cắt chia để nhận phần nhiều hơn, không công bằng đối với chị.

Thực tế thể hiện, chị T nhận đất năm 2002 sau đó cho chị P thuê lại ba năm, năm 2005 chị P giao đất lại cho chị T. Từ năm 2002 cho đến khi vụ kiện này phát sinh năm 2015 không có căn cứ chứng minh chị T đã khởi kiện yêu cầu khiếu nại đất đã phân chia. Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng thực tế cũng thể hiện chị T nhận diện tích nhiều hơn chị P.

Vụ việc tranh chấp phát sinh khi có sự kiện Nhà nước thu hồi, bồi hoàn giải toả đất làm lộ phục vụ khu kinh tế N năm 2015.

Với các nội dung trên, có cơ sở xác định: Việc chị T nhận, khai thác, sản xuất trên đất thừa kế của ông K và quyền sử dụng bà H cho đã được phân ranh, chị T mặc nhiên chấp nhận diện tích đất thực tế được phân chia đã được Nhà Nước cấp quyền quyền sử dụng, sự kiện Nhà nước phóng lộ đi qua phần đất chị T, chị P phát sinh lợi ích cho mỗi người mang tính ngẫu nhiên. Từ lợi ích này chị T tiến hành yêu cầu chia lại là không phù hợp.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của chị T, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Chị T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định chung.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị T.

Giữ nguyên án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T về việc yêu cầu buộc chị Võ Thị P trả lại phần đất nuôi trồng thủy sản lấn chiếm với diện tích đo đạc thực tế là 3.942,5m<sup>2</sup>, phần đất tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của anh Võ Minh Đ về việc yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Võ Thị T và chị Võ Thị P.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị T phải chịu 4.336.700 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí 1.962.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015125 ngày 05/10/2016 tại Chi cục thi hành dân sự huyện N nay đối trừ, chị T phải nộp tiếp 2.374.700 đồng.

Anh Võ Minh Đ không phải chịu án phí, ngày 20/3/2017 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015334 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N được nhận lại.

- Án phí phúc thẩm chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng, ngày 26/4/2018 chị T đã dự nộp 300.000 đồng dự phí phúc thẩm theo lai thu số 0015901 tại Chi cục Thi hành án huyện N được chuyển thu.

4. Lệ phí đo đạc - thẩm định – định giá tài sản với tổng số tiền là 8.697.600 đồng chị Võ Thị T phải chịu, chị T đã thanh toán xong.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Văn Yên**